

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG NĂNG LỰC THEO CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH NĂM 2020**

*Phan Thị Mỹ Trinh<sup>1</sup>, Lê Văn Tĩnh<sup>1</sup>, Đặng Trần Ngọc Thanh<sup>1</sup>,  
Đỗ Thị Hà<sup>1</sup>, Lâm Thị Thu Tâm<sup>1</sup>, Hồ Thị Trúc Phương<sup>1</sup>, Bùi Thị Ngọc<sup>1</sup>, Lê Thị Mỹ Ly<sup>1</sup>*  
<sup>1</sup>Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

**TÓM TẮT**

**Mục tiêu:** Xác định mức độ đáp ứng năng lực theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch thông qua tự đánh giá của sinh viên, năm 2020. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang trên 93 sinh viên lớp Cử nhân Điều dưỡng đa khoa chính quy niên khóa 2016-2020 đã hoàn tất chương trình đào tạo. **Kết quả:** Có 55.9% sinh viên tự đánh giá năng lực bản thân đáp ứng mức độ trung bình và 44.1% sinh viên tự đánh giá đáp ứng mức độ cao đối với năng lực “Thực hành chăm sóc bệnh nhân đảm bảo an toàn dựa trên bằng chứng”. Đối với năng lực “Quản lý, cải tiến chất lượng chăm sóc, nghiên cứu khoa học và phát triển nghề nghiệp” có 38.7% sinh viên tự đánh giá đạt mức độ đáp ứng trung bình và 61,3% đạt mức độ đáp ứng cao. Tỷ lệ sinh viên tự đánh giá về năng lực “Tuân thủ các quy định của pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hành lâm sàng” đạt mức độ đáp ứng trung bình (15.1%) và đáp ứng cao (83.9%). **Kết luận:** Hầu hết các sinh viên tự đánh giá năng lực bản thân đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ở mức độ trung bình và mức độ cao. Tuy nhiên vẫn còn một số năng lực về thực hành sơ cứu - cấp cứu, liên quan đến phản ứng thuốc - tương tác thuốc và tham gia nghiên cứu khoa học cần được rèn luyện thêm.

**Từ khóa:** Năng lực, chuẩn đầu ra, tự đánh giá, cử nhân điều dưỡng

**RESULTS OF STUDENTS' SELF-ASSESSMENT ON RESPONSE LEVEL OF COMPETENCY BY PROGRAM OUTCOME STANDARDS OF BACHELOR OF NURSING AT UNIVERSITY OF MEDICINE PHAM NGOC THACH IN 2020**

**ABSTRACT**

**Objective:** To determine the competence level of the Bachelor of Nursing program's outcome among undergraduate students at University of medicine Pham Ngoc Thach based on student's self-assessment, 2020. **Method:** Descriptive cross-sectional study was used on 93 students, who completed the full-time Bachelor of Nursing program, course

---

Tác giả: Phan Thị Mỹ Trinh  
Địa chỉ: Trường Đại học Y dược Phạm Ngọc Thạch  
Email: trinhptm@pnt.edu.vn

Ngày phản biện: 23/8/2021  
Ngày duyệt bài: 06/9/2021  
Ngày xuất bản: 30/9/2021

2016-2020. **Result:** The student's self-assessment showed 55.9% moderate level and 44.1% high level in the "Evidence-based safety patient care practices" section. In the "Management, quality improvement of care, scientific research, and career development" section, the students responded to 38.7% moderate level and 61.3% high level, respectively. The proportion of students assessed their competence of "Comply with the provisions law and professional ethics standards during clinical practice" was 15.1% moderate level and 83.9% high level. **Conclusion:** Most of the students self-assessed showed they got from moderate to high level in the program's competent outcome. However, the first aid and emergency practice, the drug reactions and drug interactions, and the scientific research need to improve.

**Keywords:** Competency, outcome standards, self-assessment, bachelor of nursing

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2020, tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đánh giá Điều dưỡng "là xương sống của bất kỳ hệ thống y tế nào" [1], là lực lượng quan trọng và nòng cốt trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Do đó, để tăng cường chất lượng nhân lực Điều dưỡng có thể đáp ứng yêu cầu hội nhập của các nước trong khu vực và nhu cầu xã hội, Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật y học, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đã tiến hành xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo lồng ghép với chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam [2] có điều chỉnh phù hợp. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng được ban hành theo *Quyết định số 4192/2017/QĐ-TĐHYKPNT ngày 03 tháng 11 năm 2017* gồm 3 lĩnh vực, 14 chuẩn đầu ra và 60 tiêu chí.

Để đảm bảo sinh viên Điều dưỡng tốt nghiệp ra trường có năng lực, đáp ứng nhu cầu xã hội thì việc đánh giá theo chuẩn đầu ra là vô cùng cần thiết. Chính vì thế, để thực hiện bước đầu của công tác đánh giá năng lực sinh viên theo chuẩn đầu ra, chúng tôi tiến hành nghiên cứu sinh viên Điều dưỡng đã hoàn tất chương trình đào tạo tự đánh

giá mức độ đáp ứng năng lực theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2020. Với mong muốn biết được sinh viên tự đánh giá năng lực bản thân đáp ứng ở mức độ nào theo chuẩn đầu ra từ góc độ của sinh viên, bên cạnh đó tự đánh giá năng lực giúp sinh viên có cơ hội phát hiện được những năng lực mà mình chưa đạt để có biện pháp học tập cải thiện.

Kết quả nghiên cứu này sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích để Trường và Khoa có cơ sở xây dựng kế hoạch đánh giá hiệu chỉnh chương trình đào tạo.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang

### 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Từ 01 tháng 11 năm 2020 đến 31 tháng 7 năm 2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên lớp Cử nhân Điều dưỡng đa khoa Chính quy niên khóa 2016-2020 đã hoàn tất chương trình đào tạo tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

#### 2.4. Tiêu chuẩn chọn và tiêu chuẩn loại trừ

Đối tượng được chọn tham gia là sinh viên lớp Cử nhân Điều dưỡng đa khoa Chính quy niên khóa 2016-2020 đã hoàn tất chương trình đào tạo và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Loại trừ những đối tượng là sinh viên lớp Cử nhân Điều dưỡng đa khoa Chính quy niên khóa 2016-2020 đủ tiêu chuẩn chọn vào nghiên cứu, nhưng không đồng ý tham gia sau khi đã nghe giải thích mục đích, yêu cầu và ích lợi của nghiên cứu. Những đối tượng vắng mặt tại thời điểm khảo sát và vắng mặt trong cuộc hẹn tiếp theo.

#### 2.5. Phương pháp và công cụ thu thập số liệu

Nghiên cứu lấy trọn mẫu: 93 sinh viên lớp Cử nhân Điều dưỡng đa khoa Chính quy niên khóa 2016-2020 đều thỏa tiêu chí lựa chọn.

Sử dụng bộ câu hỏi soạn sẵn dựa theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch gồm 3 lĩnh vực, 14 chuẩn đầu ra với 60 tiêu chí tương đương 60 năng lực cần đánh giá. Lĩnh vực 1 gồm 9 chuẩn đầu ra với 36 tiêu chí thuộc về năng lực thực hành chăm sóc bệnh nhân đảm bảo an toàn dựa trên bằng chứng. Lĩnh vực 2 gồm 4 chuẩn đầu ra với 19 tiêu chí thuộc về năng lực quản lý, cải tiến chất lượng chăm sóc, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp. Lĩnh vực 3 gồm 1 chuẩn đầu ra với 5 tiêu chí thuộc về năng lực tuân thủ các quy định của pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hành lâm sàng [3]. Sử dụng thang đánh giá 6 bậc của mô hình đánh giá năng lực Miller cải tiến. Độ tin cậy của thang đo đã được báo cáo với Cronbach's  $\alpha = 0.972 - 0.968$

[4]. Bộ câu hỏi được lấy ý kiến đánh giá bởi 3 chuyên gia về đào tạo của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Sau khi đồng ý tham gia nghiên cứu, sinh viên sẽ được phát bộ câu hỏi gồm 3 phần: Phần 1 về thông tin chung tổ, giới tính và học lực trung bình tổng kết; Phần 2 sinh viên tự đánh giá năng lực theo 6 mức độ sau: **mức độ 1: Biết ít:** Biết rất ít hầu như không có kiến thức; **mức độ 2: Biết và biết cách làm:** Có kiến thức và biết cách thực hiện (trên lý thuyết nhưng chưa qua thực hành); **mức độ 3: Đã thực hành:** Có thể thực hiện theo qui trình trong môi trường mô phỏng, **mức độ 4: Làm có chọn lựa:** Có thể nhận định được các tình huống, lập kế hoạch và áp dụng thực hiện theo đúng qui trình trong môi trường thực tế (lâm sàng/cộng đồng) tuy nhiên cần sự giám sát và hạn chế về kinh nghiệm; **mức độ 5: Làm có kinh nghiệm:** Đã tích lũy được một số kinh nghiệm lâm sàng nhất định và có khả năng xử lý tình huống độc lập trong môi trường thực tế; **mức độ 6: Làm với trực giác:** Giàu kinh nghiệm và giải quyết những vấn đề một cách tự động theo trực giác, trở thành năng lực bản năng.

06 mức độ trong thang đo sẽ được qui đổi tương ứng với điểm từ 1 đến 6. Lấy điểm số cao nhất trừ đi điểm số thấp nhất và chia cho 3 (khoảng =  $(6-1)/3 = 1.67$ ). Khoảng điểm trung bình được sử dụng để mô tả mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên theo các tiêu chuẩn sau (Polit & Hungler, 1999), mức điểm cụ thể là:

- **Không đáp ứng:** số điểm  $\leq 2.67$
- **Đáp ứng trung bình:** số điểm từ  $2.68 - 4.35$
- **Đáp ứng cao:** số điểm  $\geq 4.36$

Ở mức *Không đáp ứng*: sinh viên biết rất ít hầu như không có kiến thức hoặc chỉ

biết cách thực hiện trên lý thuyết. Ở mức *Đáp ứng trung bình*: sinh viên ít nhất đã được thực hành trên mô phỏng hoặc đã thực hành chăm sóc một cách có chọn lựa trên lâm sàng tuy nhiên vẫn cần được giám sát và còn hạn chế về kinh nghiệm. Ở mức độ *Đáp ứng cao*: sinh viên đã tích lũy được một số kinh nghiệm nhất định trên lâm sàng và có thể xử lý tình huống độc lập hoặc đã trở nên thành thạo chuyên nghiệp.

Và phần 3 là trả lời 01 câu hỏi mở “Theo ý kiến của bạn Giảng viên/Bộ môn/Khoa và Trường cần làm gì để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên Cử nhân Điều dưỡng ?” để ghi nhận những ý kiến đóng góp từ sinh viên.

### 2.6. Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu từ câu hỏi định lượng được nhập liệu bằng phần mềm EpiData 3.1 và xử lý số liệu bằng phần mềm thống kê R 4.0.4; Số liệu của câu hỏi định tính được xử lý bằng

phương pháp mã hóa theo chủ đề.

Thống kê mô tả tần số và tỷ lệ phần trăm theo từng mức độ năng lực mà sinh viên chọn thuộc lĩnh vực 1 về “Thực hành chăm sóc bệnh nhân đảm bảo an toàn dựa trên bằng chứng”; tần số và phần trăm của các biến thuộc lĩnh vực 2 về “Năng lực quản lý, cải tiến chất lượng chăm sóc, nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp”; tần số và phần trăm của các biến thuộc lĩnh vực 3 về “Tuân thủ các quy định của pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hành lâm sàng”.

Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch số 457/HĐĐĐ-TĐHYKPNT ngày 15 tháng 12 năm 2020.

### 3. KẾT QUẢ

**Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu**

	Đặc điểm	SL	%
<b>Giới tính</b>	Nữ	73	78.5
	Nam	20	21.5
<b>Học lực trung bình tổng kết</b>	Giỏi	5	5.4
	Khá	69	74.2
	Trung bình - Khá	0	0
	Trung bình	19	20.4
	Yếu	0	0



Tổng 93 sinh viên, trong đó nam chiếm 21.5% và nữ chiếm tỷ lệ cao hơn là 78.5%. Học lực Giỏi chiếm tỷ lệ thấp nhất 5.4%, học lực Khá chiếm cao nhất 74.2% và học lực Trung bình 20.4%. Không có sinh viên có học lực Trung bình – khá và học lực Yếu.

**Bảng 2. Mức độ đáp ứng năng lực sinh viên tự đánh giá thuộc lĩnh vực 1 về “Thực hành chăm sóc bệnh nhân đảm bảo an toàn dựa trên bằng chứng”**

Mức độ đáp ứng năng lực	Không đáp ứng n (%)	Đáp ứng trung bình n (%)	Đáp ứng cao n (%)
<b>CĐR1.</b> Thể hiện mức độ hiểu biết về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.	7 (7.5)	54 (58.1)	32 (34.4)
<b>CĐR2.</b> Xác định được thứ tự các vấn đề ưu tiên chăm sóc để đưa ra quyết định phù hợp với nhu cầu của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	3 (3.2)	52 (55.9)	38 (40.9)
<b>CĐR3.</b> Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng.	2 (2.2)	60 (64.5)	31 (33.3)
<b>CĐR4.</b> Thực hiện kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình, an toàn và hiệu quả cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	0 (0.0)	29 (31.2)	64 (68.8)
<b>CĐR5.</b> Dùng thuốc đảm bảo an toàn hiệu quả.	2 (2.2)	52 (55.9)	39 (41.9)
<b>CĐR6.</b> Thực hiện được việc sơ cứu và chủ động tham gia khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng.	7 (7.5)	69 (74.2)	17 (18.3)
<b>CĐR7.</b> Giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình và cộng đồng.	1 (1.1)	45 (48.4)	47 (50.5)
<b>CĐR8.</b> Giáo dục sức khỏe hiệu quả cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	4 (4.3)	53 (57.0)	36 (38.7)
<b>CĐR9.</b> Hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc.	0 (0.0)	30 (32.3)	63 (67.7)
<i>Mức độ đáp ứng năng lực chung của lĩnh vực 1 về Thực hành chăm sóc bệnh nhân đảm bảo an toàn dựa trên bằng chứng.</i>	0 (0.0)	52 (55.9)	41 (44.1)

Mức độ đáp ứng năng lực sinh viên tự đánh giá thuộc lĩnh vực 1 về Thực hành chăm sóc bệnh nhân đảm bảo an toàn dựa trên bằng chứng ở mức đáp ứng trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất (55.9%) và ở mức không đáp ứng chiếm tỷ lệ thấp nhất (0%).

Sinh viên tự đánh giá đạt mức độ đáp ứng cao có tỷ lệ cao nhất ở CĐR 4 về Thực hiện kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình, an toàn và hiệu quả cho cá nhân, gia đình và cộng đồng (68.8%) và cao thứ hai ở CĐR 9 về Hợp tác hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc (67.7%)

CĐR 6 về Thực hiện được việc sơ cứu và chủ động tham gia khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng có tỷ lệ sinh viên tự đánh giá năng lực ở mức đáp ứng trung bình cao nhất (74.2%) và ở cũng có tỷ lệ cao nhất ở mức không đáp ứng (7.5%).

**Bảng 3. Mức độ đáp ứng năng lực sinh viên tự đánh giá thuộc lĩnh vực 2 về “Năng lực quản lý, cải tiến chất lượng chăm sóc; Nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp”**

Mức độ đáp ứng năng lực	Không đáp ứng n (%)	Đáp ứng trung bình n (%)	Đáp ứng cao n (%)
<b>CĐR10.</b> Quản lý được hồ sơ bệnh án, công tác chăm sóc người bệnh, và trang thiết bị y tế.	0 (0.0)	24 (25.8)	69 (74.2)
<b>CĐR11.</b> Tham gia thiết lập môi trường làm việc an toàn và hiệu quả.	0 (0.0)	33 (35.5)	60 (64.5)
<b>CĐR12.</b> Tham gia nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng	18 (19.4)	62 (66.7)	13 (14.0)
<b>CĐR13.</b> Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân.	0 (0.0)	14 (15.1)	79 (84.9)
<i>Mức độ đáp ứng năng lực chung của lĩnh vực 2 về Năng lực quản lý, cải tiến chất lượng chăm sóc. Nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp.</i>	0 (0.0)	36 (38.7)	57 (61.3)

Mức độ đáp ứng năng lực sinh viên tự đánh giá thuộc lĩnh vực 2 về năng lực Quản lý, cải tiến chất lượng chăm sóc; Nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất ở mức đáp ứng cao (61.3%) và tỷ lệ không đáp ứng chiếm thấp nhất (0%).

Sinh viên tự đánh giá năng lực đạt mức đáp ứng cao có tỷ lệ cao nhất (84.9%) ở CĐR 13 về năng lực Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân.

Trong 4 chuẩn đầu ra thuộc lĩnh vực 2, ở CĐR 12 về năng lực Tham gia nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng có tỷ lệ sinh viên tự đánh giá ở mức không đáp ứng chiếm cao nhất (19.4%) và cũng chiếm tỷ lệ cao nhất ở mức đáp ứng trung bình (66.7%).

**Bảng 4. Mức độ đáp ứng năng lực sinh viên tự đánh giá thuộc lĩnh vực 3 về “Tuân thủ các quy định của pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hành lâm sàng”**

Mức độ đáp ứng năng lực	Không đáp ứng n (%)	Đáp ứng trung bình n (%)	Đáp ứng cao n (%)
<b>CĐR14.</b> Hành nghề theo quy định của Pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.	1 (1.1)	14 (15.1)	78 (83.9)
<i>Mức độ đáp ứng năng lực chung của lĩnh vực 3 về Tuân thủ các quy định của pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hành lâm sàng</i>	1 (1.1)	14 (15.1)	78 (83.9)

Mức độ năng lực sinh viên tự đánh giá đáp ứng với chuẩn đầu ra 14 thuộc lĩnh vực 3 về năng lực Tuân thủ các quy định của pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hành lâm sàng chiếm tỷ lệ cao nhất ở mức đáp ứng cao (83.9%) và tỷ lệ không đáp ứng chiếm thấp nhất (1.1%).

Tổng hợp ý kiến của sinh viên từ câu hỏi mở: “*Theo ý kiến của bạn Giảng viên/Bộ môn/ Khoa và Trường cần làm gì để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên Cử nhân Điều dưỡng ?*” thu nhận được một số ý kiến đóng góp như sau: tăng sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên, giúp sinh viên năng động, cảm thấy hứng thú với môn học nhiều lý thuyết; tăng thời gian thực hành trên lâm sàng và mong muốn có giảng viên hướng dẫn. Nên đưa nhiều tình huống lâm sàng trong khi học lý thuyết để gần với thực tế; một số môn có giờ tự học chưa hiệu quả và mong muốn thay đổi thành tiết học có giảng viên; có nguyện vọng tham gia các chương trình sức khỏe trong cộng đồng (ví dụ như tham gia phòng chống dịch).

#### 4. BÀN LUẬN

Nhìn chung sinh viên tự đánh giá năng lực bản thân đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch phần lớn đạt ở mức độ đáp ứng trung bình và mức độ đáp ứng cao. Kết quả này khá tương đồng với kết quả nghiên cứu của tác giả Akram Ghodrati (2012) của trường Đại học Khoa học Y khoa Sabzevar tại Iran chỉ ra sinh viên tự đánh giá năng lực thực hành trên lâm sàng có kết quả trên trung bình (>

3 điểm) [5] cũng như của tác giả Nguyễn Dũng Tuấn và cộng sự về kết quả tự đánh giá so với dự thảo chuẩn đầu ra của Bộ Y tế của sinh viên Y khoa năm thứ 6 khóa 2007-2013 trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch khi sinh viên Y6 tự giá mình tương đối đạt so với chuẩn đầu ra (> 3 điểm: từ trung bình trở lên) chiếm đa số (76.8%) [6].

Trong lĩnh vực 1 về năng lực Thực hành chăm sóc bệnh nhân đảm bảo an toàn dựa vào bằng chứng sinh viên tự đánh giá đáp ứng năng lực mức độ cao chiếm tỷ lệ cao nhất (68.8%) ở CĐR 4 về năng lực Thực

hiện kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình, an toàn và hiệu quả cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. Để làm rõ vấn đề này chúng tôi có tham khảo kết quả của nghiên cứu “*Tự đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh năm 2014*” của tác giả Nguyễn Văn Tuấn đưa ra kết quả: 03 tiêu chuẩn năng lực có tỷ lệ đạt cao nhất là: Dùng thuốc đảm bảo an toàn hiệu quả; Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình, Đảm bảo chăm sóc liên tục [7]. Thực hiện kỹ thuật chăm sóc là một trong những kỹ năng chính của sinh viên Điều dưỡng khi đi thực hành trên lâm sàng, trong quá trình thực hành lâm sàng sinh viên được giảng viên hướng dẫn và có nhiều cơ hội để rèn luyện về thực hiện kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình và đảm bảo an toàn.

Trong CDR 5 *Dùng thuốc đảm bảo an toàn hiệu quả*, vẫn còn nhiều sinh viên tự đánh giá năng lực ở mức độ 2-biết và biết cách làm đối với tiêu chí 4 về *Phát hiện và phối hợp xử trí ban đầu khi người bệnh có phản ứng thuốc và phản ứng phụ với thuốc* cũng như tiêu chí 5 về *Nhận biết nguy cơ tương tác giữa thuốc với thuốc hoặc giữa thuốc với thức ăn*. Tác giả Ingrid Taylor và cộng sự (2019) nghiên cứu trên sinh viên Điều dưỡng về tự đánh giá năng lực lâm sàng và nhu cầu đào tạo đã cho kết quả tương tự, các sinh viên có nhu cầu được đào tạo thêm về tác dụng và tương tác thuốc. Do đó, trong quá trình dạy và học giảng viên cần hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về các phản ứng thuốc và tương tác thuốc trên lý thuyết và cả trên lâm sàng.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra vẫn còn nhiều sinh viên tự nhận xét bản thân không đáp ứng năng lực ở CDR 6 về *Thực hiện được việc sơ cứu và chủ động tham gia khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng*,

chủ yếu là đã thực hành trên mô hình và có thực hành trên lâm sàng nhưng cần sự giám sát và chưa có kinh nghiệm. Điều này do sinh viên ít có cơ hội gặp tình huống cấp cứu ngoài cộng đồng và chưa thể chủ động khi tham gia trong trường hợp cấp cứu tại lâm sàng, nếu có tham gia chỉ ở vai trò kiến tập hoặc hỗ trợ. Vì thế trong nội dung giảng dạy về cấp cứu có thể xây dựng theo tình huống mô phỏng (tạo hiện trường giả), để ứng dụng bài học vào tình xử lý huống giúp sinh viên có thể nhạy bén, linh hoạt hơn khi tham gia cấp cứu trong thực tế.

Ở lĩnh vực 2 về Năng lực quản lý, cải tiến chất lượng chăm sóc; Nghiên cứu khoa học, và phát triển nghề nghiệp, phần lớn sinh viên tự nhận xét năng lực đạt được ở mức độ cao. Tuy nhiên đối với CDR 12 về *Tham gia nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng*, sinh viên tự đánh giá đạt ở mức độ trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất (66.7%) và tỷ lệ không đáp ứng (18.1%) cũng là cao nhất. So sánh với kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Ngọc Thảo Nguyễn về “*Thực trạng nhận thức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại trường đại học Sài Gòn năm 2018*” chỉ ra nhận thức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên phần lớn đạt mức trung bình – khá [8]. Đối với sinh viên mới tiếp cận nghiên cứu khoa học, hầu hết đều cảm thấy môn nghiên cứu khoa học rất khó hiểu và rất ngại tham gia nghiên cứu khoa học. Do đó giảng viên cần có những kế hoạch để thúc đẩy sự hứng thú đối với nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

Ở lĩnh vực 3 về Tuân thủ các quy định của pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hành lâm sàng sinh viên tự đánh giá đạt mức độ đáp ứng cao có tỷ lệ là 83.9% và cũng là tỷ lệ cao nhất trong 3 lĩnh vực. Kết quả này cho thấy,

sinh viên tự nhận thức tốt về việc tuân thủ các quy định tại cơ quan và việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

So sánh giữa tỷ lệ của 3 lĩnh vực mà sinh viên tự đánh giá, ở lĩnh vực 1 về Thực hành chăm sóc bệnh nhân đảm bảo an toàn dựa trên bằng chứng có mức độ đáp ứng cao chỉ đạt 44.1%, trong khi đó đối với lĩnh vực 2 và lĩnh vực 3 cùng ở mức độ này nhưng lại chiếm tỷ lệ 61.3% và 83.9%. Điều này có thể được lý giải như sau: ở lĩnh vực 1 gồm nhiều tiêu chí, các tiêu chí này là trọng tâm của chương trình đào tạo Cử nhân điều dưỡng, một số năng lực trong lĩnh vực này sinh viên còn hạn chế. Có thể do năng lực của giảng viên, hoặc trang thiết bị giảng dạy ở lĩnh vực này chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của việc dạy và học, hoặc chương trình thực hành chưa thực sự đi vào chiều sâu. Do đó, trong quá trình đào tạo sinh viên cần được chú ý rèn luyện thêm những kỹ năng này.

Những ý kiến đóng góp thu thập được từ câu hỏi mở nổi bật ở những điểm sau: sinh viên mong muốn tăng sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên để tiết học lý thuyết thêm hứng thú; mong muốn được tăng thời gian thực hành trên lâm sàng; giờ tự học chưa hiệu quả vì chưa tận dụng được thời gian và có mong muốn được tham gia các chương trình sức khỏe cộng đồng.

Như vậy, ở cả 3 lĩnh vực phần lớn sinh viên tự đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra ở mức độ trung bình và đáp ứng cao, trong đó mức độ đáp ứng cao nhất ở lĩnh vực 3. Tuy nhiên trong nghiên cứu của Janghee Park (2015), những người có thể đạt được mức độ đáp ứng cao (mức độ 5-làm có kinh nghiệm và mức độ 6-làm với trực giác) là những nhân viên điều dưỡng có chứng chỉ hành nghề hoặc là điều dưỡng làm lâu năm giàu kinh nghiệm [5]. Sự khác biệt này

có thể do trong quá trình đào tạo sinh viên Cử nhân Điều dưỡng trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch đã được tiếp cận và định hướng phát triển năng lực theo các chuẩn đầu ra đã được công bố và một phần vì ảnh hưởng mang tính chủ quan của việc tự đánh giá bản thân, do đó có thể sẽ cao hơn mức năng lực thực tế.

Tuy nhiên, việc tự đánh giá năng lực theo chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đã tạo cơ hội cho người học tự xác định được năng lực bản thân hiện đang ở mức nào, còn thiếu sót những gì để có định hướng cải thiện phát triển năng lực nhằm đạt chuẩn đầu ra. Ngoài ra kết quả nghiên cứu cũng đã chỉ ra được những năng lực mà sinh viên còn hạn chế và những mong muốn của sinh viên trong quá trình học tập để phát triển năng lực. Tác giả Sanghee Yeo và Bong Hyun Chang (2019) tại Hàn Quốc đã đưa ra luận điểm sinh viên tự đánh giá năng lực của họ khi kết thúc chương trình đào tạo là một phương pháp có ý nghĩa để đánh giá năng lực, đồng thời kết quả nghiên cứu sẽ hữu ích trong việc cải tiến chương trình giảng dạy [9]. Chính vì thế, kết quả nghiên cứu này là tài liệu tham khảo hữu ích trong công tác đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra dựa trên năng lực.

## 5. KẾT LUẬN

Hầu hết các sinh viên Cử nhân Điều dưỡng đa khoa chính quy đã hoàn tất chương trình đào tạo tự đánh giá năng lực bản thân đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ở mức độ trung bình và mức độ cao, không có hoặc có tỷ lệ rất ít mức độ không đáp ứng. *Bên cạnh đó vẫn còn một số năng lực* như sơ cứu và chủ động tham gia khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng, liên quan đến phản ứng thuốc – tương tác thuốc và tham gia



nghiên cứu khoa học – thực hành dựa vào bằng chứng cần được rèn luyện thêm để cải thiện.

Tiếp tục định hướng sinh viên tự đánh giá và tự rèn luyện năng lực của bản thân theo chuẩn đầu ra để có thể đáp ứng được năng lực nghề nghiệp và nhu cầu xã hội. Có những kế hoạch thúc đẩy sự hứng thú với môn học nghiên cứu khoa học cho sinh viên (mở câu lạc bộ, các cuộc thi học thuật về nghiên cứu khoa học, khuyến khích giảng viên cùng phối hợp và hướng dẫn cho sinh viên làm nghiên cứu khoa học,...) vì nghiên cứu khoa học là cơ sở của phát triển thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng. Xem xét điều chỉnh nội dung chương trình để cải thiện được những tiêu chí có mức độ đáp ứng thấp xuất phát từ chính nhu cầu của sinh viên (góc độ sinh viên tự đánh giá). Tập huấn cho giảng viên ứng dụng các phần mềm tương tác trong giảng dạy như (Poll Everywhere, Kahoot,...) để tiết học lý thuyết sinh động và hứng thú hơn. Có kế hoạch định hướng và quản lý tiết tự học chặt chẽ hơn để tránh lãng phí thời gian. Hướng tới xây dựng kế hoạch “Đánh giá năng lực sinh viên theo chuẩn đầu ra” từ phía giảng viên hoặc nhà tuyển dụng để thu được kết quả có giá trị cao hơn phục vụ công tác đánh giá hiệu quả và cải tiến chương trình đào tạo.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo thực trạng Điều dưỡng thế giới năm 2020 của WHO, trang web Viện chiến lược và chính sách y tế, truy cập 13/4/2020, <http://www.hspi.org.vn/vcl/-Bao-cao-Thuc-trang-dieu-duong-The-gioi-nam-2020-t92-9009.html>

2. Bộ Y tế (2012), ban hành kèm Quyết định 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012, Bộ chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam.

3. Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2017), Quyết định số 4192/2017/QĐ-TĐHYKPNT ngày 03 tháng 11 năm 2017, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

4. Janghee Park (2015), Proposal for a Modified Dreyfus and Miller Model with simplified competency level descriptions for performing self-rated surveys, *Journal of Educational Evaluation for Health Professions*, <http://dx.doi.org/10.3352/jeehp.2015.12.54>

5. Akram Ghodrati. et al (2012), Assessing nursing students' s clinical competency: self-assessment, *Vision Nursing of Journal Year First*, Vol 1, No1, 2012 Spring.

6. Nguyễn Dũng Tuấn (2013), Kết quả tự đánh giá so với dự thảo chuẩn đầu ra của Bộ y tế của sinh viên y khoa năm thứ 6 khóa 2007-2013 Trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm* (48):54-65.

7. Nguyễn Văn Tuấn (2014), Tự đánh giá năng lực thực hành chăm sóc của điều dưỡng tại bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh năm 2014, *Luận văn Thạc sĩ*, Trường đại học Y tế công cộng, Hà Nội.

8. Trần Ngọc Thảo Nguyên (2018), Thực trạng nhận thức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại trường đại học Sài Gòn, *Tạp chí Giáo dục* (số đặc biệt kì 1 tháng 5/2018):95-98.

9. Sanghee Yeo & Bong Hyun Chang (2019), Students' self-assessment of achievement of terminal competency and 4-year trend of student evaluation on outcome-based education, *Korea Journal of Medical Education*, 31(1):39-50.